

Số: /TB-THNH

Nam Hưng, ngày tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	16/12	1 phòng/1 lớp
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	1 phòng/1 lớp
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ, mượn	0	0
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	3845	10,50m ² /1HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3490	9,52m ² /1HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	576	
2	Diện tích thư viện (m ²)	36 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	56 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	56 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	56 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	12	
1.1	Khối lớp 1	3	
1.2	Khối lớp 2	3	
1.3	Khối lớp 3	2	
1.4	Khối lớp 4	2	
1.5	Khối lớp 5	2	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	23	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		

1	Ti vi	12 chiếc	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác... (máy in, máy tính, máy scan)	06	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng	tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0	0

		Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
XIV	Nhà vệ sinh	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	12	01	12	1	24	1	24
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0	0	0	0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

HIỆU TRƯỞNG

Lương Văn Hiến

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2024 -20245

T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
	Tổng số giáo viên,cán bộ quản lý và nhân viên	22	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
I	Giáo viên	17	0	0	17	0	0	0	01	6	10	0	6	11	0	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ	2	0	0	2	0	0	0	0	01	01	0	0	0	0	0
3	Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Âm nhạc	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
5	Mỹ thuật	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
6	Thể dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
III	Nhân viên	3	0	0	2	0	0	1	0	0	0	0	0	3	0	0
1	Nhân viên văn thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Bảo vệ	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0

Tiên Thanh , ngày tháng 6 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thanh Huyền